

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban
nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Văn bản số 336/CV-BQL ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị
cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Long
Thành, huyện Long Thành” và Văn bản số 488/CV-BQL ngày 20 tháng 6 năm
2023 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây
dựng mới Trạm y tế thị trấn Long Thành, huyện Long Thành” của Ban Quản lý
dự án huyện Long Thành, các hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường tại Tờ trình số
533/TTr-TNMT ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Báo cáo số 611/BC-TNMT ngày
17 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án huyện Long Thành, địa chỉ tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Long Thành, huyện Long Thành” tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: “Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Long Thành, huyện Long Thành”.

1.2. Địa điểm: Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.



1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về thành lập Ban Quản lý dự án huyện Long Thành.

1.4. Mã số thuế: 3602288694.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án 622,3 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 06 giường, 40 lượt khám/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án huyện Long Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 đến ngày 20 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: *như*

- Ban Quản lý dự án huyện Long Thành;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành;
- Lưu: VT - NN (PTN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Thân



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 1353./GPMT-UBND ngày 20 tháng 7... năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của bệnh nhân, cán bộ, nhân viên tại trạm y tế.

- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ khâu xét nghiệm, khử trùng các dụng cụ y tế chai lọ, vệ sinh sàn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đầu nối vào tuyến Nguyễn An Ninh → đường Hai Bà Trưng → suối Ông Quế → suối Quán Thủ → sông Đồng Môn → sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý đầu nối vào tuyến Nguyễn An Ninh → đường Hai Bà Trưng → suối Ông Quế → suối Quán Thủ → sông Đồng Môn → sông Đồng Nai, tọa độ X: 1192468; Y(m): 412562 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia đối với nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	36	
3	COD	mg/l	60	
4	TSS	mg/l	60	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTN MT, cột A, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	
8	Photphat (tính theo P)	mg/l	7,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
10	Tổng coliform	MPN/100 ml	3.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải từ bể tự hoại (01 bể tự hoại tại tầng trệt với thể tích 5,3m³) được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø114 dẫn nước thải từ bể tự hoại về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Hồ thu gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn MBR → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 2 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Thiết kế bể điều hòa có thể tích đủ chứa lượng nước thải phát sinh của cơ

sở trong 8 giờ. Trong thời gian này có thể khắc phục các sự cố đơn giản và kịp thời.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý định kỳ.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa như: máy bơm, máy thổi khí, ..

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng (dự kiến bắt đầu sau khi hoàn thiện các công trình xây dựng và lắp đặt).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần. Trong đó: đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải trước xử lý và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng toàn bộ các hoạt động có phát sinh nước thải của dự án cho đến khi khắc phục xong sự cố.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73.53/GPMT-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X: 1194210, Y: 409524 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm, máy thổi khí theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế kịp thời các máy bơm, máy thổi khí khi đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực Dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Dự án.

Phụ lục 3
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7353/GPMT-UBND ngày 20 tháng 7... năm
2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	38	13 01 01	NH
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	20	13 01 02	KS
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	6	13 03 02	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	5	16 01 06	NH
5	Pin, ắc quy thải bỏ	Rắn	3	16 01 12	NH
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	38	13 01 01	NH
	Tổng cộng	-	72	-	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.	13 01 06	8	TT
2	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc	13 01 05	12	TT

STT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
	không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.			
3	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực.	13 01 05	12	TT
	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.	13 01 05	5	TT
	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (*)	12 06 13	4,62	TT
Tổng cộng			41,62	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	7.300
	- <i>Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm</i>	-	4.380
	- <i>Chất thải rắn sinh hoạt thông thường khác</i>	-	2.920
Tổng cộng			7.300

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải 60 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 2 m².
- Vị trí: kho lưu chứa bố trí tại tầng 1 trong khuôn viên dự án
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Tường xây gạch, nền bê tông, mái tôn, gờ chống tràn, nền chống thấm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải 120 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích khu lưu chứa: 1 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí tại hành lang các tầng thùng rác 30 lít, sau đó chuyên vào thùng chứa rác 240 lít lưu giữ vào khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của dự án.

2.3.2. Khu vực tập kết

- Diện tích khu vực tập kết: 2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: che bằng mái tôn, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7.953/GPMT-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan; có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo giới hạn quy định; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

9. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

10. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.